

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
		<p>khi đầu số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>		
Điểm e, khoản 3 điều 20	<p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p>	Điểm e, khoản 3 điều 21	điểm đ, khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu TT 116
Điểm h Khoản 3 Điều 20	<p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Sửa đổi thành điểm h, khoản 3 điều 21: h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</p>	điểm h, khoản 3 điều 21	Điểm h, khoản 2, điều 153 Luật DN
Điểm i Khoản 3 Điều 20	<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính. Chấp thuận đề Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc Nhân sự và Kế toán trưởng. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở công ty</p>	<p>i) “Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó”</p>	Điểm i, khoản 3 điều 21	Điểm i Khoản 2 Điều 153 Luật DN

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	<u>khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi của những người đó;</u>			
Khoản 3 Điều 20	<u>Chưa có</u>	Bổ sung vào điểm 1, khoản 3, điều 21: l) <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.</u>	điểm 1, khoản 3, điều 21	Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020
Điểm 1, khoản 3, điều 20	<u>l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;</u>	Sửa đổi thành điểm m, khoản 3, điều 21: m) <u>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</u>	Điểm m, khoản 3, điều 21	Điểm m, khoản 2, điều 27 Điều lệ mẫu TT 116
Điều 20, khoản 3, điểm m	<u>m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</u>	Sửa thành điểm n, khoản 3, điều 21: n) <u>Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</u>	Điểm n, khoản 3, điều 21	Điểm n, khoản 2, điều 27 điều lệ mẫu TT 116
Khoản 4 Điều 20	<u>4. HĐQT phải nộp báo cáo cho ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý cấp cao trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.</u>	“4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.”	Khoản 4 điều 21	Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 20, khoản 6, 7	<u>6. Các thành viên HĐQT (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhân thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức</u>	Sửa đổi thành khoản 6, 7, 8, 9 điều 21 6. <u>Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</u>	khoản 6, 7, 8, 9 điều 21	Khoản 1, 2, 3, 6 điều 28 Điều lệ mẫu TT 116

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	<p>thủ lao cho HDOT sẽ do DHDCCD quyết định. Khoản thủ lao này sẽ chia cho các thành viên HDOT theo thảo thuận trong hợp đồng hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.</p> <p>7. Tổng số tiền trả thủ lao cho các thành viên HDOT và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thủ lao công việc và thưởng. Thủ lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thủ lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thủ lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thủ lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>8. Thủ lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		
Điều 21	<p>1. HDOT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch HDOT có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty nếu không có sự phân đối của đa số DHDCCD.</p> <p>2. Chủ tịch HDOT phải triệu tập và chủ</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3, 4, 5 điều 21 và sắp xếp thứ tự các Khoản cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp như sau:</p> <p>“1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản</p>	Khoản 1, 2,3,4,5 Điều 22	Điều 156 Luật Doanh nghiệp

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	<p>toa ĐHDCĐ và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ đông tại ĐHDCĐ.</p> <p>4. Khi Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do gì thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.</p>	<p>trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng có đóng;</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có</p>		

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>Khoản 1, 2 Điều 22</p>	<p>1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên</p>	<p>người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.”</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Khoản 1 điều 23</p>	<p>Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>điều hành của Hội đồng quản trị.</p> <p>khoản 3, điều 22</p>	<p>3. Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhân được đề xuất họp. Nếu Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập cuộc họp: những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng</p>	Khoản 5, điều 30 Điều lệ mẫu TT 116	
<p>Khoản 5 Điều 22</p>	<p>5. Thông báo và chương trình họp: các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi tổ chức, với điều kiện các thành viên hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p>	<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên họp và phải gửi Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	Khoản 5 điều 23	Khoản 6, điều 30 Điều lệ mẫu TT 116
<p>Điểm d khoản 7, điều 22</p>	<p>d) Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một họp đồng được quy định tại Điều 162 Khoản 1 của Luật doanh nghiệp 2014 sẽ được coi là có lợi</p>	<p>d) Bất kỳ người có liên quan nào hưởng lợi từ một họp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong họp đồng đó.</p>	Điểm d khoản 7 điều 23	Khoản 1 điều 167 Luật DN

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	ích đáng kể trong hợp đồng đó.			
Khoản 13 điều 22		<p>Bổ sung thêm vào khoản 13, điều 22, chuyển thành khoản 13 điều 23 như sau:</p> <p>13. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản hợp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản hợp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản hợp. Người ký biên bản hợp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản hợp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản hợp theo quy định của Luật doanh nghiệp. Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.”</p>	Khoản 13 điều 23	Khoản 6 điều 7 Luật số: 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 Ghi chú: Luật mới bổ sung thêm việc các thành viên khác của hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản hợp ký Luật mới bổ sung thêm Biên bản phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản hợp và trách nhiệm của những người ký biên bản hợp
Khoản 14 điều 22	<p>14. Những người được mời họp dự thính: các thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết từ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.</p>	<p>14. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	Khoản 14 điều 23	Khoản điều 30 Điều lệ mẫu TT 116
Điều 22	Chưa có	<p>Bổ sung khoản 15, 16, 17 điều 23: 15. Thành viên Hội đồng quản trị được</p>	khoản 15, 16, 17 điều 23	Khoản 9, 10, 11 điều 30 Điều lệ mẫu TT 116

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
		<p>coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 17 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;</p> <p>16. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>17. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>		
Khoản 15, Điều 22	<p>15 Các tiêu ban của HĐQT: HĐQT có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiêu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá</p>	<p>18. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao</p>	Khoản 18, 19 điều 23	Điều 31 Điều lệ mẫu, TT 116

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	<p>trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, một tiêu ban đều phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiêu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiêu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa số thành viên của tiêu ban và (b) Nghị quyết của tiêu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua Nghị quyết đó không phải là thành viên HĐQT.</p>	<p>gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.</p> <p>19. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ và quản trị công ty.</p>		Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116
<p>Chưa có nội dung trong điều lệ hiện hành</p>	<p>Chưa có</p>	<p>Bổ sung thêm điều 24 trong Điều lệ về Người phụ trách quản trị Công ty:</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p>	Điều 24	Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
		<p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bán sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		
khoản 1 điều 26	<p>1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao,</p>	<p>Bổ sung thêm khoản 1 điều 28 như sau:</p> <p>1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký</p>	Khoản 1 Điều 28	Khoản 3, điều 163, Luật DN

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	<p>lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, phụ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, phụ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. <i>Thủ lao, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</i></p>		
<p>Khoản 2 điều 26</p>	<p>2. <u>Nhiệm kỳ</u>: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 3 (ba) năm trừ khi HĐQT có quy định khác.</p> <p>Chưa có</p>	<p>2. <u>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn.</u></p> <p>Bổ sung điểm h, khoản 3, điều 28 như sau:</p> <p>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh:</p> <p>Sửa đổi, bổ sung thêm khoản 1, 2 điều 31:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích</p>	<p>Khoản 2 điều 28</p> <p>điểm h, khoản 3, điều 28</p>	<p>Khoản 3 điều 162 LDN và Khoản 3 E35 Điều lệ mẫu</p> <p>Khoản h, điều 35 Điều lệ mẫu TT 116</p>
<p>Chưa có nội dung trong điều lệ hiện hành</p>	<p>Chưa có</p>	<p>1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.</p>	<p>Khoản 1, 2 điều 31</p>	<p>Điều 47 điều lệ mẫu TT 116</p>
<p>Khoản 1 Điều 29</p>				

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>khoản 3, 4, điều 29</p>	<p>3. Theo Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp, một Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên, hoặc có liên quan đến lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiêu bản đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị từ hai mươi (20) % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trừ xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiêu bản liên quan. Đồng thời HĐQT hoặc tiêu bản đó đã có phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn</p>	<p><i>của Công ty.</i></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc,</p>	<p>Khoản 4, 5, 6, 7 điều 31</p>	<p>khoản 3, 4, 5, 6, điều 47, Điều lệ mẫu TT 116</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>Mục X – BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>mười (20) % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông không có lợi ích liên quan đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;</p> <p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>4. Không một thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá trị của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết về các thông tin này.</p>	<p>người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>Điều 33</p>	<p>Điều 36, Điều lệ mẫu TT 116</p>
<p>Mục X – BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Chưa có</p>	<p>Bổ sung Điều 33: 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban</p>	<p>Điều 33</p>	<p>Điều 36, Điều lệ mẫu TT 116</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>Khoản 1 Điều 31</p>	<p>1. Công ty có Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) được HĐQT tham khảo về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập)</p> <p>b) thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán</p> <p>c) xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ</p>	<p>kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc)</p>	<p>Khoản 1 điều 34</p>	<p>Điều 39 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ	
	<p>chuyên môn phù hợp vào việc của Công ty nêu thấy cần thiết:</p> <p>d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đề trình HĐQT</p> <p>e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc:</p> <p>f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận, và</p> <p>h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý</p>	<p>và có đồng.</p> <p>e) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>f) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>Bổ cụm từ trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên:</p> <p>a) Mỗi Cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần</p>	Khoản 2 điều 34	Khoản 5 điều 115 Luật DN
Khoản 2 điều 31	<p>a) Mỗi Cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử ứng cử viên vào Ban kiểm soát.</p>				

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	<p>Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ trên 10% đến 30% thì họ được phép đề cử 01 người; nếu từ trên 30% đến 50% thì họ được đề cử 02 người; từ trên 50% đến 70% được đề cử 03 người; và trên 70% được đề cử 4 người.</p> <p>b) Những Cổ đông nắm giữ ít hơn hoặc bằng 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có thể tập hợp phiếu bầu với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Số lượng người được đề cử theo tỷ lệ quy định như ở mục a.</p>	<p>có quyền biểu quyết được quyền đề cử ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ trên 10% đến 30% thì họ được phép đề cử 01 người; nếu từ trên 30% đến 50% thì họ được đề cử 02 người; từ trên 50% đến 70% được đề cử 03 người; và trên 70% được đề cử 4 người.</p> <p>b) Những Cổ đông nắm giữ ít hơn hoặc bằng 10% cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Số lượng người được đề cử theo tỷ lệ quy định như ở mục a.</p>		
<p>Khoản 4 Điều 31</p>	<p>4. Ban kiểm soát không được ít hơn 3 thành viên và không nhiều hơn 5 thành viên, tùy nhiên trong 3 năm đầu tiên Ban kiểm soát sẽ chỉ có 3 thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất 1 thành viên có chuyên môn về kế toán.</p>	<p>4. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người</p>	<p>Khoản 4 điều 34</p>	<p>Khoản 1 điều 168, khoản 1 điều 169 LDN</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>Khoản 4 Điều 31</p>	<p>4.... Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>4. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p> <p>e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và</p>	<p>Khoản 4 điều 34</p>	<p>Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>Khoản 4 điều 31</p>	<p>Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tịch Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHQT.</p>	<p><i>Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>Bổ sung thêm vào khoản 4 điều 31, sửa thành khoản 5 điều 34 nội dung sau:</i></p> <p><i>Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đã số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</i></p> <p><i>Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</i></p> <p><i>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tịch Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và</i></p> <p><i>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHQT</i></p>	<p>Khoản 5 điều 34</p>	<p>Khoản 2 điều 168 LDN</p>
<p>Chưa có trong Điều lệ</p>		<p>Bổ sung khoản 10 điều 34 như sau</p> <p><i>10. Việc bầu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu</i></p>	<p>Khoản 10 điều 34</p>	<p>Khoản 3 điều 148 LDN</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
Khoản 1 Điều 32	<p>1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cấp trong điều 19.2b và 31.2b đều có quyền, trừ tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các Cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền</p>	Khoản 1, 2 điều 35	Khoản 1, 2 Điều 49 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020/TT-BTC

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
Điều 33	<p>Tổng Giám đốc sẽ phải lập kế hoạch về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, bước thời việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn, được công nhân theo chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.</p>	<p>của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	Điều 36 Điều lệ mẫu	Điều 50 TT Điều lệ mẫu TT 116
Mục XII – PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	XII- PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	Đổi thành: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		Tt 116, điều lệ mẫu, Mục XIII
khoản 4, Điều 34	4. Trong trường hợp Công ty chậm chi trả tiền cổ tức trong thời hạn quy định trong Điều lệ Công ty và pháp luật thì Công ty sẽ phải trả lãi đối với số cổ tức chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.	Xóa bỏ khoản này trong Điều lệ	Xóa bỏ	Xóa bỏ theo tình hình thực tế
Chưa có nội dung trong điều lệ hiện hành	Chưa có	Bổ sung khoản 9 điều 37: 9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Khoản 9 điều 37	Khoản 6, điều 51 Điều lệ mẫu TT 116

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>khoản 3 Điều 38,</p>	<p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp</p>	<p>Khoản 3 điều 41</p>	<p>điều 54 Điều lệ mẫu TT 116</p>
<p>khoản 1 Điều 39,</p>	<p>1. Công ty phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm và gửi về cơ quan thuế và cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Khoản 1 điều 42</p>	<p>Khoản 1, điều 55 Điều lệ mẫu TT 116</p>
<p>khoản 2 Điều 39</p>	<p>2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p>	<p>Khoản 2 điều 42</p>	<p>Khoản 2 điều 55 Điều lệ mẫu TT 116</p>
<p>khoản 3 Điều 39</p>	<p>3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi đến tất cả các Cổ đông. Khi Công ty có một trang Web trên mạng thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của</p>	<p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Khoản 3 điều 42</p>	<p>Khoản 3 điều 55 Điều lệ mẫu TT 116</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
<p>Chưa có nội dung trong điều lệ hiện hành</p> <p>Điều 40</p>	<p>Công ty phải được lên trang Web.</p> <p><u>Chưa có</u></p> <p>1. <u>Hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập và được phép hoạt động tại Việt Nam sẽ được HĐQT chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT</u></p> <p>2. <u>Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính</u></p> <p>3. <u>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo kế toán hàng năm, cho biết các khoản thu chi của Công ty; lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính</u></p> <p>4. <u>Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</u></p> <p>5. <u>Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán; được quyền nhận</u></p>	<p>Bổ sung điều 43:</p> <p><i>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p> <p><i>Sửa toàn bộ điều 40</i></p> <p><i>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</i></p> <p><i>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</i></p>	<p>Điều 43</p> <p>Điều 44</p>	<p>Điều 56, Điều lệ mẫu TT 116</p> <p>Điều 57 Điều lệ mẫu kèm TT 116/2020/TT-BTC</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	<p><u>các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHCĐ mà mọi cổ đông của Công ty được quyền nhận.</u></p>			
<p>Điều 41</p>	<p><u>Điều 41. Con dấu</u> 1. HDQT sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khác theo quy định của pháp luật. 2. HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty. 3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. 4. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy chế do Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 45</p>	<p>Điều 43 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 42</p>	<p><u>Chấm dứt hoạt động</u> <u>Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:</u> a) <u>Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành</u> b) <u>Do quyết định của ĐHCĐ.</u> c) <u>Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</u></p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản</p>	<p>Điều 46</p>	<p>Điều 59, điều lệ mẫu, TT 116</p>

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
Chưa có nội dung trong điều lệ hiện hành		<p>trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p>Điều 47: Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng có đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	Điều 47	Điều 60 điều lệ mẫu, TT 116
khoản 1 Điều 44	<p>1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. Hai thành viên trong đó do HĐQT chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định. Ban thanh lý sẽ được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	<p>1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	Khoản 1 điều 49	Điều 61 điều lệ mẫu, TT 116
khoản 3 Điều 44	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p>	Khoản 3, điều 49	Điều 61 điều lệ mẫu, TT 116

Nội dung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Thứ tự trong Điều lệ mới	Lý do, căn cứ
	<p>a) Các chi phí thanh lý; b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động; c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước; d) Các khoản vay (nếu có); e) Các khoản nợ khác của Công ty; đ) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>a) Các chi phí thanh lý; b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c) Nợ thuế; d) Các khoản nợ khác của Công ty; e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>		
điểm a, b khoản 1, Điều 45	<p>a) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc b) Một Cổ đông hay các Cổ đông với HĐQT. Ban Kiểm soát. Tổng Giám đốc hay các cán bộ quản lý khác.</p>	<p>a) Cổ đông với Công ty; b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;</p>	Khoản 1 điều 50	Khoản 1 điều 62, điều lệ mẫu
khoản 2, điều 45	<p><u>Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 60 ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</u></p>	<p><u>Trương hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</u></p>	Khoản 2 điều 50	TT 116 Điều lệ mẫu, điều 62, khoản 2
Khoản 1 Điều 47	<p><u>1. Bản điều lệ này gồm XX chương, 47 điều, được ĐHCĐ Công ty cổ phần truyền thông VMG nhất trí thông qua ngày 11 tháng 09 năm 2020 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</u></p>	<p><u>1. Bản điều lệ này gồm XX chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Truyền thông VMG nhất trí thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</u></p>	Điều 52	Theo thực tế

Lưu ý: Trong trường hợp các điều khoản bổ sung được thông qua, Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung sẽ được đánh số thứ tự điều khoản lại cho hợp lý mà không làm thay đổi nội dung đã được thông qua.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

Hà Nội - 06/2023

MỤC LỤC

I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1: Định nghĩa	4
II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty	6
III- MỤC TIÊU PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 3: Mục tiêu của Công ty.....	6
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	9
Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 7: Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 8: Thu hồi cổ phần.....	11
V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý	12
VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty:.....	13
Điều 11: Nghĩa vụ của các Cổ đông.....	15
Điều 12: Đại hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	17
Điều 14: Các đại diện được ủy quyền	20
Điều 15: Thay đổi các quyền.....	20
Điều 16: Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo	21
Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ và lập biên bản ĐHĐCĐ.....	23
Điều 18: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 19: Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản.....	27
VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 20: Thành phần và nhiệm kỳ	29
Điều 21: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	31
Điều 22: Chủ tịch, thành viên HĐQT.....	33
Điều 23: Các cuộc họp của HĐQT.....	34
Điều 24: Người phụ trách quản trị công ty	38
VIII- TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	39
Điều 25: Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 26: Cán bộ quản lý cấp cao.....	39
Điều 27: Cán bộ quản lý khác	40
Điều 28: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	40
Điều 29: Thư ký Công ty.....	42
IX- NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	42
Điều 30: Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý	42
Điều 31: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	42
Điều 32: Trách nhiệm và bồi thường.....	43
X- BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 33: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	44
Điều 34: Bầu Ban kiểm soát.....	44
Điều 35: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	47

XI- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 36: Công nhân viên và công đoàn:	48
XII- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	48
Điều 37: Cổ tức	48
XIII- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	49
Điều 38: Tài khoản ngân hàng.....	49
Điều 39: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác.....	49
Điều 40: Năm tài khóa.....	50
Điều 41: Hệ thống kế toán.....	50
XIV- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	50
Điều 42: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng năm.....	50
Điều 43: Báo cáo thường niên.....	51
XV- KIỂM TOÁN CÔNG TY	51
Điều 44: Kiểm toán	51
XVI- CON DẤU	51
Điều 45: Con dấu.....	51
XVII- CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	52
Điều 46: Chấm dứt hoạt động	52
Điều 47: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ đông.....	52
Điều 48: Thanh lý.....	52
XVIII- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	53
Điều 49: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	53
XIX- SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	53
Điều 50: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	53
XX- NGÀY HIỆU LỰC	54
Điều 51: Ngày hiệu lực.....	54
CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.	54

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Truyền thông VMG, là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Công ty khi thành lập Công ty và Cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 03 tháng 10 năm 2007 và được sửa đổi theo các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Điều lệ này được sửa đổi lần thứ 2 vào ngày 11/09/2020, sửa đổi lần cuối vào ngày 29/06/2023.

I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
 - f) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao theo quy định của Điều lệ công ty;

- h) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
- j) “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- k) “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2015.
- l) “Cán bộ quản lý cấp cao” có nghĩa là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nhân sự, Kế toán trưởng của Công ty và các cán bộ khác được HĐQT chỉ định làm Cán bộ quản lý cấp cao của Công ty.
- m) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- o) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- p) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- q) “Thời hạn” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- r) “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;
- s) “ĐHĐCĐ” có nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông của Công ty;
- t) “HĐQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
- u) “BKS” có nghĩa là Ban Kiểm soát của Công ty;
- v) “Cổ phần có quyền chào bán” là cổ phần được bán trong một lần phát hành;
- w) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là “Công ty cổ phần truyền thông VMG”. Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là “VMG Media Joint Stock Company”.
2. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - a) Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà PEAKVIEW Tower, số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
 - b) Điện thoại: (024) 3 5378820
 - c) Fax: 024 37726091
 - d) E-mail: info@vmgmedia.vn
 - e) Website: <https://vmgmedia.vn>
4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi Luật cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 46 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

III- MỤC TIÊU PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của công ty là:
 - a) Công thông tin (trừ hoạt động báo chí);

- b) Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- c) Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- d) Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- e) Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; Dịch vụ nội dung thông tin số: là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp, bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số cả các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông;
- f) Hoạt động ghi âm và phát hành xuất bản phẩm âm nhạc;
- g) In ấn;
- h) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- i) Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- j) Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- k) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- l) Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- m) Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- n) Quảng cáo;
- o) Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- p) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;
- q) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- r) Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- s) Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;

- t) Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
 - u) Dịch vụ thông tin khác chưa phân vào đâu;
 - v) Hoạt động thể thao khác;
 - w) Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
 - x) Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới hàng hóa;
 - y) Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu;
 - z) Giáo dục nhà trẻ;
 - aa) Giáo dục mẫu giáo;
 - bb) Đào tạo sơ cấp;
 - cc) Đào tạo trung cấp;
 - dd) Đào tạo cao đẳng;
 - ee) Giáo dục thể thao và giải trí;
 - ff) Giáo dục văn hóa nghệ thuật
 - gg) Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại; Dạy máy tính; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho sinh viên yếu kém; Dạy lái xe cho người không hành nghề lái xe.
 - hh) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng.
Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ công thanh toán; Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử; Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (hoạt động theo Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Nhà nước)
2. Mục tiêu của Công ty là:
- a) Trở thành một công ty kinh doanh có uy tín và thành công trên thị trường Việt Nam và quốc tế trong các lĩnh vực nêu trên;
 - b) Tạo ra lợi nhuận cho Cổ đông và việc làm cho xã hội.
3. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Cổ phần do Công ty phát hành là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Trường hợp cần thiết, công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Vào ngày thông qua Điều lệ lần đầu, Vốn điều lệ của Công ty là 26.000.000.000 đồng (hai mươi sáu tỉ đồng).

Vào ngày sửa đổi cuối cùng của Điều lệ này, Vốn điều lệ của công ty là 203.930.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.393.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là 1 phần của Điều lệ này.
5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi ngày), để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của HĐQT. HĐQT có thể phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm hoặc không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của ĐHĐCĐ, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được quyền mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần của mình, trường hợp đặc biệt phải được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.
4. Việc chuyển nhượng cổ phần phải lập bằng văn bản và đăng ký vào sổ đăng ký Cổ đông. Sau thời điểm đăng ký vào sổ đăng ký Cổ đông, các bên không có quyền khiếu kiện về việc chuyển nhượng cổ phần. Chỉ có Cổ đông có tên trong sổ đăng ký Cổ đông mới được công nhận là Cổ đông hợp pháp của Công ty. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng.

Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký Cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự ĐHĐCĐ diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
6. Khi công ty niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán thì việc chuyển nhượng các cổ phiếu có quyền chào bán tự do trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
7. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, chỉ người sau đây được Công ty công nhận có quyền sở hữu đối với cổ phần của người đã chết:
 - a) Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó;
 - b) Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty chỉ công nhận đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

Những quy định này không giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

8. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
9. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.
10. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
11. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8: Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì HĐQT có thể gửi một thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì HĐQT có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo và bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Mọi cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Nếu cần, HĐQT có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ một người nào khác.
5. Một Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 8% một năm) theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng Cổ đông;
- b) Ban kiểm soát;
- c) Hội đồng quản trị; và
- d) Tổng Giám đốc .

VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty:

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có tên trong sổ đăng ký Cổ đông và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi Cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông nắm giữ.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp; hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Trong trường hợp công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các Cổ đông ưu đãi;
 - g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong khoản 1 Điều 132 Luật Doanh nghiệp ;
 - h) Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - i) Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty; được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi Cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: thủ thuật kinh doanh, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...);
 - j) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- k) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- l) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người